

Chỉ số Catch-up và bẫy hội tụ của các nước ASEAN

Đào Bích Ngọc

Học viện Ngân hàng

Ngày nhận: 16/12/2021

Ngày nhận bản sửa: 31/12/2021

Ngày duyệt đăng: 18/01/2022

Tóm tắt: Nghiên cứu nhằm đánh giá sự hội tụ của các nước ASEAN thông qua nghiên cứu chỉ số Catch-up và số năm hội tụ với Mỹ và Brunei. Nghiên cứu sử dụng phương pháp tính chỉ số Catch-up của Kant (2019) và dữ liệu thu thập của các quốc gia ASEAN trong giai đoạn năm 1970 đến 2019 từ Penn World Table 10. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ngoại trừ Brunei và Singapore đã hội tụ với Mỹ từ sớm, các quốc gia còn lại trong khối ASEAN vẫn đang trong quá trình hội tụ với Mỹ. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng từ năm 1970 đến năm 2019, các quốc gia ASEAN (trừ Brunei và Singapore) có thể đã kẹt trong bẫy hội tụ tại ngưỡng thu nhập thấp khi so sánh với Mỹ. Theo dự báo, các nước Malaysia, Việt Nam, Thái Lan và Lào là bốn quốc gia tiếp theo sẽ hội tụ với Mỹ sau năm 2050, hội tụ với Brunei sau năm 2065. Từ đó, nghiên cứu đã đưa ra một số khuyến nghị đối với Việt Nam nhằm hướng tới mục tiêu vượt lên trở thành nước có thu nhập cao năm 2045, sớm bắt kịp với Mỹ.

Từ khóa: Chỉ số Catch-up, bẫy hội tụ, ASEAN

Catch-up Index and Convergence traps in ASEAN

Abstract: The study aims to evaluate the convergence of ASEAN countries by studying the Catch-up Index and the number of years to convergence with US and Brunei. To calculate Catch-up Index, the study uses the method of Kant (2019) and collects data of ASEAN countries for the period 1970 to 2019 from Penn World Table 10. The results show that except for Brunei and Singapore converging with US since early, the rest of ASEAN countries are still in the process of catching up with US. However, the study also indicates that from 1970 to 2019, ASEAN countries (except Brunei and Singapore) might fall into the convergence- trap. According to the result, Malaysia, Vietnam, Thailand and Laos are the next four countries that will converge with the US after 2050 and with Brunei after 2065. Therefore, the study has recommendations for Vietnam to achieve the goal of convergence.

Keywords: Catch-up Index, convergence trap, ASEAN

Dao, Bich Ngoc

Email: ngocdb@hvn.edu.vn

Banking Academy of Vietnam

1. Giới thiệu

ASEAN đã có một số quốc gia có nền kinh tế phát triển nhanh nhất trên thế giới trong mười năm trở lại đây như là Indonesia, Philipines, Thái Lan, Việt Nam. Tuy nhiên, có nhiều nhà nghiên cứu cho rằng tăng trưởng kinh tế tại các quốc gia này có dấu hiệu chững lại và e ngại rất có thể sẽ rơi vào bẫy thu nhập trung bình (Kugamai, 2019; Ohno, 2020). Cụ thể, Indonesia có tốc độ tăng trưởng 6% trong giai đoạn 2010- 2019 (World Bank, 2021) nhưng sự thiếu thốn về cơ sở hạ tầng và sự phụ thuộc hàng hóa đã bắt đầu bộc lộ một số vết nứt trong nền kinh tế. Hay sự tăng trưởng ở Philippines sẽ không thể kéo dài khi phụ thuộc quá nhiều vào dòng vốn đến từ bên ngoài (Felipe và Estrada, 2018). Trong khi đó, tăng trưởng của Thái Lan đã bắt đầu chậm lại giữa những bất ổn chính trị, và xuất hiện dấu hiệu của bong bóng tín dụng (Prasarn, 2017). Hay tại Việt Nam vẫn có sự tăng trưởng ấn tượng trong thời gian vừa qua, nhưng hệ thống ngân hàng vẫn còn nhiều sự yếu kém (Phạm Xuân Hoè, 2021).

Như vậy, có thể thấy, đằng sau sự tăng trưởng ấn tượng, các vấn đề về phát triển kinh tế tại các quốc gia ASEAN vẫn còn nhiều hạn chế với mối lo ngại thường trực về vấn đề mắc kẹt tại bẫy thu nhập trung bình. Bên cạnh đó, nếu chỉ xét trên những con số thể hiện mức độ tăng trưởng kinh tế thông thường, mà không đặt trong mối quan hệ tăng trưởng với các quốc gia khác, các quốc gia sẽ khó có thể nhận ra mình đã “tụt lại phía sau”. Vì vậy, nghiên cứu này xem xét sự hội tụ nền kinh tế của các quốc gia ASEAN thông qua chỉ số Catch- up. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp thêm góc nhìn về tăng trưởng kinh tế và khả năng bắt kịp với các quốc gia phát triển của các nước ASEAN. Nghiên cứu sử dụng phương pháp xây dựng chỉ số Catch- up của Kant (2019) và xây dựng mối quan hệ của chỉ

số này với bẫy hội tụ dựa trên phương pháp của Woo (2011).

Tiếp theo nghiên cứu bao gồm các nội dung chính sau: (2) Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu, (3) kết quả nghiên cứu và (4) một số khuyến nghị.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận về lý thuyết hội tụ nền kinh tế

Định nghĩa về lý thuyết hội tụ nền kinh tế
Lý thuyết hội tụ nền kinh tế là giả thuyết cho rằng mức thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia nghèo sẽ có xu hướng tăng nhanh hơn so với các quốc gia giàu có hơn (Solow, 1956). Abramovitz và David (1996) khi định nghĩa về lý thuyết hội tụ kinh tế đã kết luận rằng: trong những điều kiện nhất định, các quốc gia có nền kinh tế lạc hậu và năng suất thấp sẽ có khả năng và tốc độ phát triển nhanh hơn so với các quốc gia phát triển. Điều này được giải thích qua việc các quốc gia đang phát triển có tiềm năng tăng trưởng với tốc độ nhanh hơn các quốc gia phát triển vì ảnh hưởng của quy luật cận biên (vốn) giảm dần yếu hơn so với các quốc gia khác. Hơn nữa, các quốc gia nghèo hơn có thể sử dụng lợi thế của người đi sau khi áp dụng các phương thức sản xuất, công nghệ có sẵn của các quốc gia phát triển để gia tăng thu nhập bình quân đầu người với tốc độ nhanh hơn và dần dần sẽ bắt kịp các quốc gia giàu có.

Các trường phái của lý thuyết hội tụ nền kinh tế

Giả thuyết hội tụ đã trở thành chủ đề của cuộc tranh cãi gay gắt của các nhà nghiên cứu trong một khoảng thời gian dài. Các tranh cãi chủ yếu mang tính thực nghiệm, tập trung vào tính hợp lý của các giả thuyết.

Galor (1996) cho rằng có ba loại hội tụ nền kinh tế: hội tụ tuyệt đối, hội tụ có điều kiện và hội tụ nhóm.

(i) *Hội tụ tuyệt đối*: Giả thuyết hội tụ tuyệt đối cho rằng GDP của một quốc gia ban đầu thấp hơn sẽ dẫn đến tốc độ tăng trưởng cao hơn. Nói cách khác, đói nghèo cuối cùng sẽ bị xóa bỏ và các quốc gia sẽ có tăng trưởng 0% trong một thời gian dài. Bên cạnh đó, các quốc gia sẽ hội tụ với nhau trong dài hạn và độc lập với điều kiện ban đầu của các quốc gia đó. Bằng cách hội tụ tuyệt đối, các quốc gia nghèo và kém phát triển cuối cùng sẽ bắt kịp các quốc gia công nghiệp tiên tiến và mức sống ở tất cả các quốc gia sẽ tương đương nhau trong dài hạn. Mô hình tăng trưởng Slow-Swan giả định một số điều kiện cho sự hội tụ tuyệt đối là các quốc gia đều có khả năng tiếp cận cùng một công nghệ, cùng tỉ lệ gia tăng dân số, xu hướng tiết kiệm giống nhau và chỉ khác nhau về tỉ lệ vốn- lao động ban đầu (k) (Solow, 1956; Swan, 1956). Bởi vì các quốc gia nghèo có tỉ lệ vốn- lao động ban đầu thấp dẫn đến việc các quốc gia này có lợi suất sinh lời từ đầu tư mới cao hơn, và sẽ tạo dòng chảy vốn lớn từ các quốc gia phát triển đến các nước kém phát triển. Điều này dẫn tới việc các quốc gia nghèo sẽ có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn các quốc gia phát triển. Nói cách khác, nếu các quốc gia có những đặc điểm cơ bản giống nhau, thì tỷ lệ vốn- lao động và mức sống sẽ hội tụ tuyệt đối trong dài hạn, mặc dù một số quốc gia có thể có xuất phát điểm thấp hơn nhiều.

(ii) *Hội tụ có điều kiện*: Giả thuyết hội tụ có điều kiện cho rằng mức độ hội tụ của một nền kinh tế phụ thuộc vào đặc điểm cấu trúc của quốc gia đó chứ không phải do GDP ban đầu. Nói cách khác, các quốc gia giống nhau về đặc điểm cấu trúc (ví dụ: khả năng tiếp cận công nghệ, tỷ lệ gia tăng dân số, chính sách của chính phủ...) sẽ hội tụ với nhau trong dài hạn mà không phụ

thuộc vào các điều kiện ban đầu của quốc gia đó (Galor, 1996). Bởi vì các đặc điểm của cơ cấu ảnh hưởng đến mức hội tụ cũng như sự phát triển kinh tế của một quốc gia nên các khoản đầu tư hoặc các khoản viện trợ nước ngoài nên tập trung vào cơ cấu (ví dụ như cơ sở hạ tầng, giáo dục, hệ thống tài chính...) để cải thiện tốc độ hội tụ cũng như tăng trưởng kinh tế của quốc gia đó.

(iii) *Hội tụ nhóm*: Giả thuyết hội tụ nhóm cho rằng các quốc gia giống nhau về đặc điểm cấu trúc sẽ hội tụ với nhau trong dài hạn nếu điều kiện ban đầu của các quốc gia này tương tự nhau. Hội tụ nhóm là một giả thuyết trong lý thuyết kinh tế toàn cầu liên quan đến các mục tiêu quốc tế. Các nhóm quốc gia được phân loại dựa theo nhiều tiêu chí như hệ thống giáo dục, thu nhập bình quân đầu người và các yếu tố có thể đo lường khác (Galor, 1996). Ví dụ, các quốc gia được cho là “nghèo” có xu hướng hội tụ với nhau và tạo ra một hội tụ nhóm có thu nhập bình quân đầu người thấp. Trong khi các quốc gia giàu có và phát triển như Mỹ hay các quốc gia Tây Âu lại hội tụ vào một nhóm có thu nhập bình quân đầu người cao hơn. Các rào cản như hạn chế về giáo dục, thiếu hụt nguồn lực lao động hoặc cơ sở hạ tầng yếu kém ngăn cản các quốc gia nghèo tiến tới một nhóm hội tụ cao hơn.

Các nhóm hội tụ rất hữu ích để kiểm tra sự phát triển kinh tế ở một quốc gia cụ thể so với các quốc gia khác trong cùng một nhóm. Bên cạnh đó, các nhóm hội tụ cũng giúp xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa các quốc gia, từ đó hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu đưa ra các giả thuyết khái quát.

Chỉ số Catch-up: Chỉ số Catch-up (Catch-up Index- CUI) là chỉ số để đo lường liệu một quốc gia đang phát triển có thể theo kịp các quốc gia giàu có được hay không (Kant, 2017). CUI lần đầu tiên được sử dụng để đo lường mức độ hội tụ của các quốc gia thành

viên EU từ Trung Âu và Đông Âu (EU10 +1) với các quốc gia Tây Âu. Chỉ số này thể hiện mức độ hội tụ hoặc phân kỳ theo bốn loại: Kinh tế, Chất lượng cuộc sống, Dân chủ và Quản trị. Chỉ số được xây dựng và tính toán cho 35 quốc gia: (i) các quốc gia trong khối liên minh EU, (ii) các quốc gia ứng cử viên tiềm năng.

CUI được sử dụng để trả lời cho các câu hỏi sau:

- (i) Các quốc gia liệu có đang trở nên giàu có và phát triển hơn về kinh tế, ổn định hơn về tài chính và có tiềm năng kinh tế tốt hơn?
- (ii) Liệu những người dân có đang sống tốt hơn trong những xã hội lành mạnh và bình đẳng hơn, sống lâu hơn, có thu nhập cao hơn và được hưởng nền giáo dục tốt hơn?
- (iii) Liệu các quốc gia có dân chủ hơn, coi trọng quyền dân chủ hơn, với các phương tiện truyền thông tự do hơn, được nhiều người dân tin tưởng hơn cũng như có các tiêu chuẩn cao hơn về nhân quyền?
- (iv) Liệu các quốc gia có đang được quản lý tốt hơn, ít tham nhũng hơn, có quy định tốt hơn, ổn định về mặt chính trị và có tỷ lệ tội phạm thấp hơn?

CUI cho phép so sánh, theo dõi tiến độ, giám sát các quốc gia và nhóm quốc gia trên các danh mục, chỉ số khác nhau và góp phần xây dựng các phân tích cũng như khuyến nghị chính sách. Bên cạnh đó, CUI cũng là một chỉ số tổng hợp, sử dụng một mô hình được thiết kế đặc biệt được phát triển để nắm bắt một bức tranh đa chiều về các khái niệm phức tạp. Tuy nhiên, việc tính CUI đơn giản thông qua trả lời các câu hỏi (i) đến (iv) đã thể hiện được nhiều vấn đề của 1 quốc gia (kinh tế, mức sống người dân, quyền dân chủ, pháp lý...) tùy thuộc vào bộ dữ liệu chúng ta khai thác và sử dụng. Chỉ số này đặc biệt hữu ích trong việc tập trung sự chú ý vào các lĩnh vực vấn đề cụ thể và hỗ trợ đưa ra các khuyến nghị chính sách.

Bẫy hội tụ: Bẫy hội tụ được Worldbank đề cập đến tại sự kiện “Bẫy thu nhập trung bình (hay bẫy hội tụ)” ngày 21/8/2017. Như vậy, theo Worldbank (2017) bẫy hội tụ là một cách tiếp cận khác của bẫy thu nhập trung bình.

Bẫy thu nhập trung bình được Garrett (2004) lần đầu tiên nhắc tới trong nghiên cứu của mình khi ông quan sát thấy rằng tốc độ tăng trưởng của một số quốc gia có thu nhập trung bình giảm dần từ những năm 1980. Garrett (2004) cho rằng bẫy thu nhập trung bình xảy ra do các nước có thu nhập trung bình không có khả năng cạnh tranh với (1) các quốc gia có nền kinh tế thu nhập cao (với những ưu điểm vượt trội về khoa học, công nghệ và năng suất lao động); và (2) các nước có thu nhập thấp (có ưu thế về chi phí vốn- lao động rẻ). Do đó, các quốc gia có thu nhập trung bình phải tìm cách nâng cấp và cải thiện công nghệ cũng như gia nhập nền kinh tế tri thức toàn cầu, để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Theo Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD), bẫy thu nhập trung bình là tình trạng một nước có thu nhập trung bình không vươn lên được nhóm có thu nhập cao, tăng trưởng đình trệ, với mức lương tăng lên trong khi tính cạnh tranh về giá cả hàng hóa giảm xuống, khó có thể cạnh tranh với các nền kinh tế đã phát triển về công nghệ tối tân, hay với các nền kinh tế có mức lương thấp hơn trong việc sản xuất hàng hóa giá rẻ, dẫn đến việc tăng trưởng GDP bình quân đầu người có xu hướng chậm lại (Melguizo và cộng sự, 2017).

Khác với các cách tiếp cận trên, Felipe và cộng sự (2012) tiếp cận bẫy thu nhập trung bình dưới góc độ thời gian. Các tác giả cho rằng một quốc gia mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình thấp nếu quốc gia đó ở mức thu nhập này trong vòng 28 năm hoặc quốc gia mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình cao nếu quốc gia này có tốc độ tăng trưởng

thấp hơn 3,5% trong 14 năm liên tiếp. Như vậy, bẫy thu nhập trung bình có thể được hiểu là tình huống khi một quốc gia không còn duy trì được tốc độ hội tụ kinh tế mạnh mẽ bằng cách sử dụng các động lực tăng trưởng kinh tế cơ bản nữa. Quốc gia bị mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình không thể cạnh tranh với các nước phát triển về chất lượng, khoa học công nghệ và mức độ sáng tạo. Đồng thời, các quốc gia này cũng không thể cạnh tranh được với các quốc gia có thu nhập thấp khi so sánh về chi phí nhân công và lao động.

Khác với quan điểm của Worldbank (2017), Pruchnik và Zowczak (2017) cho rằng bẫy hội tụ diễn tả tình trạng GDP bình quân đầu người của một quốc gia không thể bắt kịp/hội tụ với GDP bình quân đầu người của một quốc gia phát triển hơn. Theo Pruchnik và Zowczak (2017), mặc dù bẫy hội tụ có nhiều điểm tương đồng với bẫy thu nhập nhưng có một số điểm khác biệt sau: (i) không có ngưỡng thu nhập cố định, (ii) không có ngưỡng thời gian, (iii) không có ngưỡng về chỉ số, (iv) không bắt buộc lựa chọn Mỹ là quốc gia tham chiếu.

Mối quan hệ giữa chỉ số Catch-up và bẫy hội tụ

Để đánh giá được mức độ hội tụ và tăng trưởng của một quốc gia cũng như đánh giá xem liệu quốc gia đó có đang bị mắc kẹt ở bẫy hội tụ/ bẫy thu nhập trung bình hay không, Woo (2011) đã đề xuất phương pháp xác định mức GDP thực tế bình quân đầu người của quốc gia đó (tính theo tỷ lệ phần trăm) đang ở mức cao, trung bình hay thấp khi so với mức GDP thực tế bình quân đầu người của Hoa Kỳ- quốc gia được xem là nền kinh tế dẫn đầu thế giới kể từ năm 1920. Woo (2011) dựa vào CUI đã phân loại như sau:

- Các quốc gia có thu nhập cao là các quốc gia có: **CUI > 55%**

- Các quốc gia có thu nhập trung bình là các quốc gia có: **55% > CUI > 20%**

- Các quốc gia có thu nhập thấp là các quốc gia có: **CUI < 20%**

Do đó, nếu một quốc gia có CUI thuộc nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình và không thể vươn lên thành các quốc gia có thu nhập cao trong một khoảng thời gian dài, quốc gia đó đã bị kẹt vào bẫy thu nhập trung bình.

2.2. Phương pháp nghiên cứu và dữ liệu nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp nghiên cứu của Kant (2019) để nghiên cứu CUI và sự hội tụ nền kinh tế của các quốc gia ASEAN. Cụ thể như sau:

y_{j0} và y_{BM0} đại diện cho GDP thực tế bình quân đầu người của quốc gia J tại năm cơ sở và GDP thực tế bình quân đầu người của quốc gia tham chiếu (benchmark) tại năm cơ sở của quốc gia J. R_{j0} là tỷ lệ của GDP thực tế bình quân đầu người của quốc gia J so với quốc gia tham chiếu tại năm cơ sở của quốc gia J.

$$R_{j0} = y_{j0} \div y_{BM0} \quad (1)$$

Tỷ lệ của GDP thực tế bình quân đầu người của quốc gia J so với quốc gia tham chiếu tại năm t được tính toán như sau:

$$R_{jt} = y_{jt} \div y_{BMt} \quad (2)$$

Nghiên cứu giả định rằng quốc gia tham chiếu là các quốc gia giàu có. Ở nghiên cứu này lựa chọn Mỹ và Singapore khi thực hiện so sánh. Vì vậy, $R_{jt} < 1$ đối với mọi t. CUI của quốc gia J cho năm t là

$$I_{jt} = R_{jt} \div R_{BMt} \quad (3)$$

Nếu $CUI > 100$, hoặc tăng, điều đó thể hiện sự tăng lên của tỉ lệ thu nhập của quốc gia J so với quốc gia tham chiếu, nói cách khác là bắt kịp so với quốc gia tham chiếu. Ngược lại, nếu chỉ số này giảm nó thể hiện sự tụt lại thể hiện sự giảm đi của tỉ lệ thu nhập của

quốc gia J so với quốc gia tham chiếu, hoặc quốc gia J bị tụt hậu so với quốc gia tham chiếu. Tỷ lệ này có thể phản ánh sự hội tụ tương đối giữa hai quốc gia.

Mặt khác, sự hội tụ tuyệt đối được thể hiện bằng sự tăng lên/giảm đi của mức chênh lệch về thu nhập giữa các quốc gia với nhau. Nghiên cứu đặt ra các biến sau y_{Jt} , y_{Kt} , y_{Jt+1} và y_{Kt+1} lần lượt đại diện cho thu nhập bình quân đầu người của các quốc gia J và K, và ρ_{Kt} và ρ_{Kt+1} là tỷ lệ thu nhập bình quân đầu người của quốc gia K và quốc gia J, và Δ_{Kt} và Δ_{Kt+1} là chênh lệch trong thu nhập bình quân đầu người giữa quốc gia K và quốc gia J tại năm t và năm t+1. Giả định rằng thu nhập bình quân đầu người của quốc gia K cao tại năm t cao hơn quốc gia J. Như vậy, $\Delta_{Kt} > 0$ và $\rho_{Kt} > 1$.

$$\rho_{Kt} = y_{Kt} \div y_{Jt} = h > 1 \text{ và } \Delta_{Kt} = (y_{Kt} - y_{Jt}) = y_{Jt} (h - 1) > 0 \quad (4)$$

$$\rho_{Kt+1} - \rho_{Kt} = (y_{Kt+1} y_{Jt} - y_{Jt+1} y_{Kt}) \div (y_{Jt+1} y_{Jt}) \quad (5)$$

$$\text{sign}(\rho_{Kt+1} - \rho_{Kt}) = \text{sign}(y_{Kt+1} y_{Jt} - y_{Jt+1} y_{Kt}) \quad (6)$$

Dấu của phương trình (6) thể hiện sự hội tụ hoặc phân tán tuyệt đối. Khi dấu dương nghĩa là tỷ lệ về thu nhập giữa hai quốc gia giàu nghèo tăng lên, và có sự phân tán tương đối, và ngược lại.

Xét δy_J và δy_K là thay đổi về thu nhập tại hai quốc gia từ năm t tới năm t+1.

$$y_{Jt+1} = y_{Jt} + \delta y_J \text{ và } y_{Kt+1} = y_{Kt} + \delta y_K \quad (7)$$

$$\Delta_{Kt+1} = y_{Kt+1} - y_{Jt+1} = \Delta_{Kt} + \delta y_K - \delta y_J \quad (8)$$

Dấu của phương trình (8) thể hiện sự hội tụ hoặc phân tán tuyệt đối: dấu dương nghĩa là khoảng cách về thu nhập giữa hai nước giàu nghèo tăng lên, và có sự phân tán tuyệt đối, và ngược lại.

Thay thế phương trình (7) và (4) vào vế phải của phương trình 6 ta có

$$\text{sign}(\rho_{Kt+1} - \rho_{Kt}) = \text{sign} y_{Jt} (\delta y_K - h \delta y_J) = \text{sign} (\delta y_K - h \delta y_J) \quad (9)$$

Dấu của phương trình (9) cũng thể hiện sự

hội tụ hoặc phân tán tương đối. Sự hội tụ tương đối xảy ra khi $h \delta y_J > \delta y_K$. Thay thế h từ phương trình số (4) ta có

$\delta y_J \div y_J > \delta y_K \div y_K$ hoặc $r_J > r_K$ trong đó r_J và r_K là tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của quốc gia J và K. Như vậy sự hội tụ tương đối xảy ra khi tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của quốc gia nghèo nhanh hơn quốc gia giàu.

Sự hội tụ tuyệt đối xảy ra khi thay đổi về thu nhập tại quốc gia nghèo lớn hơn sự thay đổi về thu nhập tại quốc gia giàu.

Mối quan hệ giữa sự hội tụ tương đối và sự hội tụ tuyệt đối được Kant (2019) đưa ra như sau:

- Hội tụ tương đối không phải điều kiện đủ cho hội tụ tuyệt đối.

- Hội tụ tương đối là điều kiện cần để hội tụ tuyệt đối. Tốc độ tăng trưởng của thu nhập bình quân đầu người của nước nghèo cao hơn tốc độ của nước giàu là điều kiện cần thiết để đảm bảo sự hội tụ tuyệt đối, nhưng không đủ, đặc biệt là khi khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các nước còn cao.

Kant (2019) cũng đưa ra cách xác định số thời gian để hội tụ như sau:

r_L là tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của quốc gia J, và r_{BM} là tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người của quốc gia tham chiếu.

$$r_L = r_J - r_{BM} \quad (10)$$

Số năm cần để hội tụ

$$n = \log(1/r_{J0}) \div \log(1+r_L) \quad (11)$$

Như vậy, hội tụ phụ thuộc vào tăng trưởng tương đối và các điều kiện ban đầu. Khi tốc độ tăng trưởng nhanh và mức thu nhập ban đầu của quốc gia nghèo tăng thì số năm hội tụ sẽ giảm dần.

2.2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu từ Penn World Table 10 của University of Groninge (2021) (truy cập tại <https://www.rug.nl/>)

ggdc/productivity/pwt/?lang=en). PWT 10 là cơ sở dữ liệu chứa đựng thông tin về thu nhập, sản lượng, đầu vào, năng suất của 183 quốc gia từ năm 1950 đến năm 2019.

Trong nghiên cứu này, tác giả quan tâm đến dữ liệu về GDP thực tế ngang giá sức mua của các quốc gia, theo giá năm 2017 với đơn vị được tính bằng USD. Việc sử dụng GDP thực tế ngang giá sức mua theo giá năm 2017 cho phép so sánh các quốc gia với nhau tại nhiều thời điểm. PWT 10 cung cấp GDP thực tế ngang giá sức mua của các quốc gia, theo giá năm 2017 trên cả hai phương diện: (1) sản phẩm đầu ra và (2) chi tiêu. Theo Feenstra và cộng sự (2013, 2015) GDP tính theo sản phẩm đầu ra phù hợp khi đánh giá năng lực sản xuất của một quốc gia, trong khi GDP tính theo chi tiêu phù hợp khi so sánh đánh giá mức sống của người dân. Vì vậy, nghiên cứu lựa chọn GDP thực tế ngang giá sức mua giá năm 2017 theo chi tiêu.

Đối với các quốc gia ASEAN, PWT có đầy đủ dữ liệu của 10 nước trong khối từ năm 1970 tới năm 2019. Bên cạnh đó, để tính toán GDP thực tế ngang giá sức mua bình quân đầu người, nghiên cứu cũng khai thác sử dụng dữ liệu về dân số của các nước Asean từ năm 1970 tới năm 2019 tại cơ sở dữ liệu của World Bank. Sau đây, nghiên cứu gọi tắt GDP thực tế bình quân đầu người ngang giá sức mua theo giá năm 2017 theo chi tiêu là RGDPe per cap.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả nghiên cứu về chỉ số Catch up tại các nước Asean

Trừ Campuchia có CUI < 100, tất cả các quốc gia khác đều có chỉ số CUI > 100, thể hiện sự bắt kịp với Mỹ.

Như vậy có thể thấy, ngoại trừ Brunei và Singapore, tất cả các quốc gia khác

ASEAN vẫn đang trong giai đoạn “Catch-up” với Mỹ. Với mốc xuất phát từ năm 1970, Malaysia cần 78 năm để bắt kịp Mỹ. Indonesia, Thái Lan, Lào và Việt Nam mất từ 100- 123 năm để bắt kịp Mỹ. Đáng ngạc nhiên là, Lào chỉ mất 117 năm trong khi Việt Nam cần 123 năm và Myanmar cần 169 năm. Cuối bảng là Philipines với 347 năm và Campuchia với 1914 năm.

Trong khu vực ASEAN, khi so sánh với Brunei, các quốc gia đầu tiên có thể bắt kịp với Brunei vẫn là Singapore và Malaysia với 51 năm và 79 năm. Thái Lan và Indonesia cần 94 năm trong khi Lào và Việt Nam cần khoảng hơn 100 năm. Myanmar và Philipines cần 124 năm và 156 năm. Tương tự như khi so sánh với Mỹ, Campuchia cũng cần nhiều thời gian nhất so với các quốc gia trong khu vực là 219 năm để hội tụ với Brunei.

Hạn chế của phương pháp tính Catch-up là số năm hội tụ, tốc độ hội tụ phụ thuộc khá nhiều vào số năm quan sát và mốc năm quan sát. Khi thay đổi mốc năm thì thời điểm hội tụ cũng có sự thay đổi nhất định do sự thay đổi trong tốc độ tăng trưởng GDP thực tế bình quân đầu người ngang giá sức mua theo giá năm 2017 theo chi tiêu của các nước. Bảng 3 thể hiện năm hội tụ của các nước ASEAN với Mỹ với các năm cơ sở khác nhau. Nhìn chung, các quốc gia có sự thay đổi nhiều về năm hội tụ khi thay đổi mốc năm cơ sở là Campuchia và Philipines. Cụ thể:

Campuchia với năm cơ sở là 1970 sẽ hội tụ với Mỹ vào năm 3884, nhưng khi thay đổi năm cơ sở là 1990 và 2010 thì mốc hội tụ lần lượt là 2110 và 2102. Philipines với các mốc tương ứng là 2317 (năm 1970), 2203 (năm 1990) và 2120 (năm 2010). Có thể thấy, Campuchia có sự thay đổi lớn nhất khi thay đổi năm hội tụ. Để lý giải cho điều này, tác giả nhận định rằng giai đoạn từ năm 1990- 2019, Campuchia đã có tốc độ

Bảng 1. Chỉ số Catch- up tại các nước ASEAN tại năm cơ sở 1970 với Mỹ là quốc gia tham chiếu

Quốc gia	Chỉ số Catch up năm 2019	Tốc độ tăng trưởng RGDPe per cap giai đoạn 1970-2019	Số năm hội tụ với Mỹ	Năm hội tụ (dự đoán)	RGDPe US/ RGDPe quốc gia năm 1970	RGDPe US/ RGDPe quốc gia năm 2019
Brunei	-	0,15	-	-	0,67	0,94
Campuchia	97	2,01	1914	3884	11,37	5,54
Indonesia	435	5,11	100	2070	34,29	15,09
Lào	412	4,97	117	2087	31,18	8,64
Malaysia	321	4,45	78	2048	4,50	2,27
Myanmar	187	3,47	169	2139	22,98	7,79
Philippines	136	2,55	347	2317	10,47	7,75
Singapore	639	5,90	38	2008	1,85	0,7
Thái Lan	293	4,20	103	2073	7,24	3,62
Việt Nam	374	4,68	123	2093	28,88	8,17

Nguồn: Tính toán của tác giả qua Microsoft Excel

Bảng 2. Năm hội tụ của các nước ASEAN tại năm cơ sở 1970 với Brunei là quốc gia tham chiếu

Quốc gia	Số năm hội tụ với Brunei	Thời điểm (năm) hội tụ với Brunei (dự đoán)
Campuchia	219	2189
Indonesia	94	2064
Lào	105	2075
Malaysia	79	2049
Myanmar	124	2094
Philippines	156	2126
Singapore	51	2021
Thái Lan	94	2064
Việt Nam	108	2078

Nguồn: Tính toán của tác giả qua Microsoft Excel

tăng trưởng RGDPe per cap nhanh, vượt trội hơn so với giai đoạn trước.

Các quốc gia khác như Indonesia, Lào, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam có ít sự thay đổi ở năm hội tụ. Indonesia với sự tăng lên của các mốc thời gian từ năm 1970 đến năm 2010, thì đích của năm hội tụ cũng tăng theo từ 2070 đến 2093. Tương

tự, Thái Lan cũng tăng từ năm 2073 đến năm 2093. Trong khi đó, Lào và Việt Nam có xu hướng với các năm cơ sở khác nhau, hội tụ với Mỹ nhanh hơn từ 2087 (Lào) và 2093 (Việt Nam) tại mốc cơ sở năm 1970 thay đổi thành 2063 (Lào) và 2066 (Việt Nam) tại mốc cơ sở năm 2010.

Khác biệt so với các quốc gia khác trong

Bảng 3. Dự tính năm hội tụ của các nước ASEAN tại các năm cơ sở khác nhau với Mỹ là quốc gia tham chiếu

Quốc gia	Năm hội tụ với Mỹ tại năm cơ sở là 1970	Năm hội tụ với Mỹ tại năm cơ sở là 1990	Năm hội tụ với Mỹ tại năm cơ sở là 2010
Campuchia	3884	2110	2102
Indonesia	2070	2080	2093
Lào	2087	2064	2063
Malaysia	2048	2051	2067
Myanmar	2139	2165	2167
Singapore	2008	2008	-
Philippines	2317	2203	2120
Thái Lan	2073	2067	2093
Việt Nam	2093	2066	2066

Nguồn: Tính toán của tác giả qua Microsoft Excel

khu vực, Myanmar thay đổi các mốc thì mốc hội tụ với Mỹ càng xa, tăng từ 2139 với mốc năm 1970 lên 2165 với mốc năm 1990 và cuối cùng là 2167 với mốc năm 2010. Myanmar được nhận định là quốc gia có tăng trưởng kinh tế bấp bênh, dần dần đang bị tụt lại so với các quốc gia trong khu vực ASEAN.

3.2. Bẫy hội tụ tại các quốc gia Asean thông qua chỉ số Catch-up

Dựa vào phương pháp của Woo (2011), từ năm 1970, sau 50 năm trừ Singapore và Brunei, tất cả các quốc gia ASEAN còn lại đều mắc kẹt trong bẫy thu nhập trung bình. CUI từ năm 1970 đến năm 2019 của các quốc gia vẫn dưới mức 55 % (Woo, 2011).

Bảng 4. Bẫy hội tụ tại các quốc gia Asean thông qua chỉ số Catch-up

Quốc gia	Số năm hội tụ với Mỹ	Năm hội tụ (dự đoán)	RGDPe US/ RGDPe quốc gia năm 1970	CUI năm 1970 theo Woo (2011)	RGDPe US/ RGDPe quốc gia năm 2019	CUI năm 2019 theo Woo (2011)
Brunei	-	-	0,67	149,25	0,94	106,38
Campuchia	1914	3884	11,37	8,80	15,09	6,63
Indonesia	100	2070	34,29	2,92	5,54	18,05
Lào	117	2087	31,18	3,21	8,64	11,57
Malaysia	78	2048	4,5	22,22	2,27	44,05
Myanmar	169	2139	22,98	4,35	7,79	12,84
Philippines	347	2317	10,47	9,55	7,75	12,90
Singapore	38	2008	1,85	54,05	0,7	142,86
Thái Lan	103	2073	7,24	13,81	3,62	27,62
Việt Nam	123	2093	28,88	3,46	8,17	12,24

Nguồn: Tính toán của tác giả qua Microsoft Excel

Đặc biệt, nếu nhìn nhận theo phương pháp của CUI (Woo, 2011) kết hợp với dữ liệu thực tế bình quân đầu người ngang giá sức mua theo giá năm 2017, các quốc gia như Campuchia, Indonesia, Lào, Myanmar, Philipines và Việt Nam còn “mắc kẹt” trong “bẫy hội tụ” ở ngưỡng thu nhập thấp khi so sánh với với Mỹ với chỉ số CUI (Woo, 2011) lần lượt 6,63 (Campuchia), 18,05 (Indonesia), 11,57 (Lào), 12,84 (Myanmar), 12,90 (Philipines) và 12,24 (Việt Nam).

4. Kết luận và gợi ý

Việt Nam bắt đầu chuyển sang nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp từ năm 2009. Kể từ đó, thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam vẫn tiếp tục tăng qua các năm, năm 2019 đạt 2.714 USD (Tổng cục thống kê, 2020). Tuy nhiên, Việt Nam vẫn nằm trong nhóm thu nhập trung bình thấp.

Tại Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng lần thứ XIII của Ban chấp hành trung ương (2021) đã đặt ra mục tiêu phát triển của Việt Nam là: “*Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao*”. Như vậy, có thể thấy, đây là mục tiêu lớn của Đảng và Chính phủ nước ta. Thực tế, theo đánh giá của tác giả, Việt Nam vẫn đang trong đà bắt kịp với Mỹ. Theo kết quả nghiên cứu, nếu sử dụng mốc năm 1970, Việt Nam sẽ bắt kịp Mỹ vào năm 2093, trong khi đó khi thay đổi các mốc về năm 1990 và 2010,

Việt Nam được dự đoán sẽ bắt kịp Mỹ vào năm 2066. Như vậy, mục tiêu 2045 Việt Nam vươn mình trở thành nước phát triển, có thu nhập cao hoàn toàn có thể đạt được. Xuất phát từ thực trạng thu nhập bình quân đầu người và tiềm lực phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay, tác giả có một số đề xuất kiến nghị sau nhằm giúp Việt Nam đẩy nhanh quá trình hội tụ:

Thứ nhất là, cần tập trung vào việc xây dựng các chính sách thúc đẩy năng lực đổi mới trong lĩnh vực sản xuất. Đó là các chính sách theo chiều ngang nhằm phát triển nền kinh tế vĩ mô và các chính sách theo chiều dọc tập trung vào phát triển từng ngành, lĩnh vực cụ thể. Tuy nhiên, các chính sách cần phải chủ động và linh hoạt trong từng giai đoạn. Đặc biệt, điều kiện tiên quyết để Chính phủ can thiệp thành công vào nền kinh tế là Chính phủ phải trong sạch và hiệu quả. Tách bạch giữa quyền lực kinh tế và chính trị để các chính sách được đưa ra khách quan và hiệu quả.

Thứ hai là, Chính phủ cũng cần tận dụng tối đa tất cả các không gian chính sách để thúc đẩy nghiên cứu và phát triển (R&D), cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước nhằm gia tăng thu nhập. Bên cạnh đó, cần có các chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp khởi nghiệp về vốn, đào tạo nhân lực, đặc biệt cần đơn giản hoá các thủ tục hành chính và có cơ chế miễn giảm thuế cho doanh nghiệp.

Thứ ba là, sự hội nhập, liên kết với các nước trong khu vực và sự hình thành các tổ chức, liên minh trong nước là rất quan trọng để thu hút được nhiều nguồn lực hơn cho việc đổi mới, phát triển các hoạt động sản xuất tạo ra giá trị cao ■

Tài liệu tham khảo

- Abramovitz, M. and David, P. A. (1996). ‘Convergence and deferred catch-up: productivity leadership and the waning of American exceptionalism’, *The mosaic of economic growth*, pp. 21–62.
- Ban chấp hành trung ương (2021). ‘Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng lần thứ XIII’

- <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/bao-cao-chinh-tri-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-tai-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-3734> (truy cập ngày 10/12/2021)
- Feenstra, R.C., Inklaar, R. and Timmer, M.P., (2015). *The next generation of the Penn World Table*. *American economic review*, 105(10), pp.3150-82.
- Feenstra, R.C., Ma, H., Peter Neary, J. and Prasada Rao, D.S., (2013). 'Who shrunk China? Puzzles in the measurement of real GDP', *The Economic Journal*, 123(573), pp.1100-1129.
- Felipe, J. and Estrada, G.B. (2018) 'Why Has the Philippines' Growth Performance Improved? From Disappointment to Promising Success', *Asian Development Bank Economics Working Paper Series*, (542).
- Felipe, J., Abdon, A. and Kumar, U. (2012). 'Tracking the middle-income trap: What is it, who is in it, and Why?' *ADB Economics Working Paper Series*, 306, pp. 1–43.
- Galor, O. (1996). 'Convergence? Inferences from theoretical models', *Economic Journal*, 106(437), pp. 1056–1069.
- Garrett, G. (2004). 'Globalization's missing middle', *Foreign Affairs*, 83(6), pp. 84–96.
- Kant, C. (2017) 'State of the Developing World: PPP Income, Catching-Up/Falling Behind, and No Growth', *SSRN Electronic Journal*.
- Kant, C. (2019) 'Income convergence and the catch-up index', *North American Journal of Economics and Finance*, 48, pp. 613–627.
- Kumagai S. (2019) 'The Middle-Income Trap in the ASEAN-4 Countries from the Trade Structure Viewpoint', Tsunekawa K., Todo Y. (eds) *Emerging States at Crossroads. Emerging-Economy State and International Policy Studies*. Springer, Singapore. https://doi.org/10.1007/978-981-13-2859-6_3
- Melguizo, A. et al. (2017) 'No sympathy for the devil! Policy priorities to overcome the middle-income trap in Latin America', *Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD)*, (340), p. 38.
- Ohno, K. (2020) 'The middle income trap from a China and ASEAN perspective', *Journal of Contemporary East Asia Studies*, 9:1, pp. 83-90.
- Phạm Xuân Hoà. (2021) '35 năm cải cách Ngân hàng: Thành quả, hạn chế và thách thức, gợi mở các giải pháp', *Tạp chí Ngân hàng, số chuyên đề đặc biệt 2021* <http://tapchinganhang.gov.vn/35-nam-cai-cach-ngan-hang-thanh-qua-han-che-va-thach-thuc-goi-mo-cac-giai-phap.htm>
- Prasarn, T. (2017) 'Financial bubble & crisis warning' presented at seminar 20-Year Tom Yum Kung Crisis: Back to the Future, Bank of Thailand, Jun 2017.
- Pruchnik, K. and J. Zowczak. 2017. 'Middle-Income Trap: Review of the Conceptual Framework'. *ADB Working Paper 760*. Tokyo: Asian Development Bank Institute. Available: <https://www.adb.org/publications/middle-income-trap-mit-review-conceptual-framework>
- Solow, R. M. (1956) 'A contribution to the theory of economic growth', *Quarterly Journal of Economics*, 70(1), pp. 65–94.
- Swan, T. W. (1956) 'Economic growth and capital accumulation', *Economic Record*, 32(2), pp. 334–361.
- Tổng cục Thống kê (2020) 'Niên giám thống kê tóm tắt 2020' <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2021/07/Nien-giam-Tom-Tat-2020Ban-quyen.pdf> (truy cập ngày 10/12/2021).
- University of Groningen (2021) *Penn World Table data ver 10* <https://www.rug.nl/ggdc/productivity/pwt/?lang=en> (accessed 10 December 2021)
- Woo, W. T. (2011) 'Understanding the Middle-Income Trap in Economic Development: The Case of Malaysia', *Globalization and Economic Policy Conference; Globalization Trends and Cycles: The Asian Experiences*, Semenyih, Selangor, Malaysia, pp. 1–12.
- World Bank (2017) <https://www.worldbank.org/en/events/2017/08/21/middle-income-or-non-convergence-traps> (accessed 10 December 2021)
- World Bank (2021a) https://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG?locations=ID&name_desc=true (accessed 10 December 2021)
- World Bank (2021b). *World Development Indicators*, <http://data.worldbank.org/data-catalog/world-development-indicators> (accessed 10 December 2021).